

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-ST  
Ngày 15 tháng 6 năm 2020  
V/v: "Tranh chấp giao dịch dân  
sự về thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Văn Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đào Mạnh Tiến;

2. Ông Nguyễn Văn Tư.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Thọ- Kiểm sát viên;

Ngày 15/6/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2019/TLST-DS ngày 20/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/20120/QĐXXST-DS ngày 21/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST- DS ngày 21/5/2020 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm C, thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**\* Bị đơn:** Chị Giáp Thị S, sinh năm 1975

Đại chỉ: Tổ dân phố P 2, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Trọng H trình bày:*

Anh và chị S là chỗ quen biết thông quan việc làm ăn chung với nhau. Chị S là chủ thầu xây dựng, anh là thợ cai nhận thi công công trình. Khoảng đầu năm 2019, anh và chị S bắt đầu làm việc chung với nhau. Cụ thể: Khi chị S nhận được

công trình của một số cơ quan tổ chức hay của cá nhân nào đó thì bà S sẽ gọi anh để anh bố trí nhân lực, máy móc trực tiếp thi công. Về giá cả thì anh thỏa thuận trực tiếp với chị S nếu hợp lý thì anh sẽ đứng ra nhận thi công và chị S trực tiếp thanh toán cho anh còn việc chị S thỏa thuận giá với chủ đầu tư như thế nào anh không biết.

Trong khoảng từ đầu năm 2019 đến tháng 28/7/2019, Sau khi chị S nhận được một số công trình thì chị S thuê anh trực tiếp thi công gồm: Công trình xây tường rào ở trường trung học phổ thông N, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; Nhà đa năng của xã Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; Công trình xây nhà tập thể của Học viện hậu cầu tại L, Hà Nội; Hạng mục xây nhà dân tại khu vực cầu Đ, Long Biên, Hà Nội. Trong quá trình thi công thì không xảy ra tranh chấp gì. Chị S có tạm ứng cho anh một số tiền để anh chi phí và trả công thợ, sau khi thi công xong thì giữa anh và chị S quyết toán với nhau. Theo đó tổng số tiền công chị S phải thanh toán cho anh là 677.000.000 đồng. Tính đến ngày 28/7/2019, chị S mới trả cho anh được số tiền 400.000.000 đồng, còn lại 277.000.000 đồng chị S viết giấy nhận nợ và cam kết trong vòng 3 tháng kể từ ngày 28/7/2019 sẽ thực hiện thanh toán cho anh xong số tiền còn nợ. Tuy nhiên, đến nay bà S vẫn chưa thanh toán, anh đã gọi điện, đến nhà chị S nhiều lần nhưng chị S không thực hiện trả nợ như cam kết mà cố tình lẩn tránh anh.

Do vậy, anh H đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị S phải trả cho anh số tiền còn nợ là 277.000.000 đồng theo “Giấy nhận nợ” ngày 28/7/2019. Ngoài ra anh H không yêu cầu gì khác.

\* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các biện pháp tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đối với chị S đến Tòa án để làm việc và thể hiện quan điểm trước yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trọng H nhưng chị S vẫn vắng mặt, không đến Tòa án để làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn là chị S vắng mặt không có lý do nên nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Giáp Thị S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định

của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét, căn cứ Điều 275; Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Trọng H.

+ Buộc chị Giáp Thị S phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Trọng H tổng số tiền 277.000.000đồng.

+ Về án phí: Buộc chị Giáp Thị S phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

\* Về tố tụng:

[1] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, báo gọi đối với bị đơn là chị Giáp Thị S nhiều lần nhưng chị S không đến Tòa án trình bày quan điểm, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án không tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ như ghi lời khai bị đơn và không tiến hành phiên hoà giải giữa các đương sự trong vụ án được. Mặt khác trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã thực hiện tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho chị S là bị đơn theo đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/5/2020 bị đơn là chị S vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với chị S nhưng chị S tiếp tục vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung “*Giấy nhận nợ*” ngày 28/7/2019 thì thấy: Giữa anh Nguyễn Trọng H và chị Giáp Thị S có quan hệ làm ăn chung trong việc thi công xây dựng. Ngày 28/7/2019 hai bên chốt số tiền phải thanh toán theo khối lượng công việc mà anh H đã thực hiện xong, theo đó chị S phải có trách nhiệm thanh toán cho anh H là 677.000.000đ. Chị S đã thanh toán được tổng số tiền là 400.000.000đ, còn nợ lại 277.000.000đ chưa thanh toán nên chị S làm “*Giấy nhận nợ*” và cam kết trong vòng 3 tháng sẽ thanh toán xong cho anh H. Đến hạn trả nợ anh H yêu cầu chị S thanh toán nhưng đến nay chị S vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết buộc chị S trả tiền con nợ như đã cam kết. Do vậy, Tòa án

xác định đây là tranh chấp “Giao dịch dân sự về thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ thường trú tại thành phố B nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

**\* Về nội dung:**

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về số tiền 277.000.000đồng thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn chị Giáp Thị S không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào và cũng không thể hiện quan điểm của mình trước yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp gồm: Bản gốc “*Giấy nhận nợ*” đề ngày 28/7/2019” có chữ ký và chữ viết của chị Giáp Thị S, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Giữa anh H và chị S có quan hệ làm ăn chung. Đến ngày 28/7/2019 chị S lập biên bản nhận nợ; theo nội dung “*Giấy nhận nợ*” thì chị S thừa nhận tổng số tiền chị S phải thanh toán cho anh H là 677.000.000đồng, chị S đã thanh toán cho anh H được 400.000.000đồng và còn nợ 277.000.000đồng chị S cam kết sẽ trả cho anh H trong vòng 3 tháng kể từ ngày làm giấy nhận nợ là 28/7/2019 nhưng đến nay chị S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn là chị S phải thanh toán số tiền 277.000.000đồng.

[5] Theo khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự quy định nếu người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi chậm trả. Tuy nhiên, do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về lãi chậm trả nên Tòa án không đặt ra giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, do vậy bị đơn là chị S chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn là anh H không phải chịu án phí nên trả lại cho anh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên

**QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 275; Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Trọng H.
2. Buộc chị Giáp Thị S phải có nghĩa vụ trả anh Nguyễn Trọng H tổng số tiền là 277.000.000 đồng.
3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.
4. Về án phí:
  - Buộc chị Giáp Thị S phải chịu 13.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
  - Hoàn trả lại anh Nguyễn Trọng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.900.000 đồng theo biên lai số: AA/2016/0000799 ngày 19/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.  
Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP B;
- Chi cục THA dân sự thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Dương Văn Hải**